TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2023.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Kiên và bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Anh T, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/10/2022 và lời khai tại Tòa án, chị Đỗ Thị Th là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Anh T kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2002 tại UBND thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không hợp nhau. Ngoài ra anh T mải chơi, không chăm lo đến đời sống kinh tế gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nặng nề, chị có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn căng thẳng nên từ đầu năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Anh T.

Về con chung: Chị Th và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 14/4/2003, hiện đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Cháu Lê Thúy H, sinh ngày 18/7/2007, hiện nay cháu H đang ở với chị. Khi ly hôn chị Th xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Anh Lê Anh T là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị Th. Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Lê Anh T. 2. Con chung: Giao cháu Lê Thúy H, sinh ngày 18/7/2007 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Th. Đối với cháu Lê Thùy D, sinh ngày 14/4/2003 đã trưởng thành lao động tự lập được, đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Anh T là bị đơn; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Lê Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Lê Anh T kết hôn tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký ngày 12/6/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị Th, anh T chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T mải chơi, không chăm lo đến gia đình dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng căng thẳng, nặng nề. Mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ chị cũng ở tổ 3, thị trấn B từ đầu năm 2019 cho đến nay. Theo các tài liệu xác minh của bố mẹ đẻ anh T, tổ trưởng tổ 3, thị trấn B, Hội trưởng hội phụ nữ thị trấn B, biên bản làm việc với chính quyền địa phương và biên bản lấy lời khai của anh T thì vợ chồng sống mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, anh T cũng không có ý kiến hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, không cho chị Th về chung sống. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị Th, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th ly hôn anh T là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là cháu Lê Thùy D, sinh ngày 14/4/2003, hiện đã trưởng thành lao động tự lập được, đương sự không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với cháu Lê Thúy H, sinh ngày 18/7/2007 đang học lớp 10, hiện nay cháu đang ở với chị Th được chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác, trong thời gian chung sống, anh T cũng không có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không có công việc ổn định, chị Th đang có công việc ổn định thu nhập 5.000.000đồng/tháng nên khi ly hôn chị Th xin nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận là

phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Lê Anh T.

2. Con chung: Giao cháu Lê Th D, sinh ngày 14/4/2003 cho chị Th quản lý, giáo dục. Giao cháu Lê Thúy H, sinh ngày 18/7/2007 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Th.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000195 ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị Th đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ S¥ TH¢M
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt